TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Ông Nguyễn Công Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hà Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 03-3-2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sái Thủy T, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu x, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nông Thanh S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 11 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sái Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Thanh S được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Ngày 05-3-2020, chị và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh S tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng cũng có hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S chửi bới, nhắn tin đe dọa, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị. Từ tháng 8 năm 2021, chị chuyển hẳn về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở khu x, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh S đã không sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm đến nhau, mặc cho ai sống ra sao thì sống. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Thanh S.

Về con chung: Chị và anh Nông Thanh S có 01 con chung là cháu Nông Duy K, sinh ngày 11-7-2020. Hiện nay, cháu K đang ở cùng với chị tại nhà mẹ của chị tại khu x, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn, chị yêu cầu là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nông Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị Sái Thủy T trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cũng có hạnh phúc, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị T sống ly thân từ ngày 13-11-2021 đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay, anh và chị T không quan tâm gì tới nhau, không có liên hệ gì, ai sống ra sao thì sống. Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T. Do anh còn tình cảm vợ chồng với chị T. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có cách nào để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Như chị Sái Thủy T trình bày. Do anh không nhất trí ly hôn với chị T nên anh cũng không đồng ý sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, chị Sái Thủy T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không mở phiên họp hòa giải giữa các đương sự. Chị Sái Thủy T vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Nông Thanh S.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Sái Thủy T. Về con chung: Cháu Nông Duy K dưới 36 tháng

tuổi, theo quy định thì giao con cho chị Sái Thủy T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228; 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sái Thủy T được ly hôn với anh Nông Thanh S. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi của mẹ cũng như quyền lợi cho con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển lành mạnh về tinh thần, thể chất, vật chất. Chấp nhận yêu cầu của chị Sái Thủy T được quyền nuôi con là cháu Nông Duy K đến khi đủ 18 tuổi, anh S có quyền đi lại thăm hỏi, động viên con, không được bên nào cản trở, gây khó khăn. Tài sản chung, nợ và cho vay chung: Không có, không yêu cầu, do vậy không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; chị Sái Thủy T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Sái Thủy T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nông Thanh S cư trú tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định của các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn chị Sái Thủy T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nông Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05 tháng 3 năm 2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Sái Thủy T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S không còn sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, không liên lạc với nhau, ai sống ra sao thì sống, anh S có nhiều tin nhắn đe dọa chị T. Chị T xác định không còn tình cảm với anh S, nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Anh S không đồng ý ly hôn với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, giữa chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S đã không còn tình nghĩa vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh Nông Thanh S của chị Sái Thủy T.

[5] Về con chung: Chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S có 01 con chung là cháu Nông Duy K, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2020. Hiện nay, cháu K dưới 36 tháng tuổi. Chị Sái Thủy T cung cấp hợp đồng lao động cho Tòa án, chứng minh chị có công việc, có thu nhập ổn định có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, theo quy định của khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Sái Thủy T trực tiếp nuôi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ chung: Chị Sái Thủy T và anh Nông Thanh S đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho vay nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Sái Thủy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Sái Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sái Thủy T được ly hôn anh Nông Thanh S.

2. Về con chung: Chị Sái Thủy T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nông Duy K, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2020 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Thanh S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nông Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sái Thủy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Sái Thủy T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0001895 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- UBND X. T, H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp